

SỐ 1560

# LUẬN A TỶ ĐẠT MA CÂU XÁ BỔN TỤNG

Tác giả: Tôn giả Thế Thân.

Hán dịch: Đời Đường, Tam Tạng Pháp sư Huyền Trang

## BẢN TỤNG

### Phẩm 1: PHÂN BIỆT GIỚI

(Gồm 44 Tụng)

Đấng đã dứt hết sự mê mờ  
Cứu vớt chúng sinh thoát bần như  
Nay con kính lễ bậc tôn quý (như lý)  
Xin soạn Luận Đối Pháp Tạng này.  
Trí tuệ cùng vật gọi đối pháp  
Và hay chứng đắc tuệ luận này.  
Thâu nhận nghĩa kia nương vào đó  
Nên lập Đối pháp Câu xá này.  
Nếu lìa trạch pháp, không pháp khác  
Hay diệt các Hoặc tối phương tiện  
Thế gian do Hoặc trôi biến "hữu"  
Thừa sự chư Phật thuyết Đối pháp.

1. Pháp hữu lậu vô lậu
2. Hữu vi trừ đạo đế
3. Nương kia lậu tăng trưởng
4. Nên nói là hữu lậu.

5. Vô lậu là Đạo đế
6. Và ba loại vô vi
7. Hư không và hai diệt
8. Hư không vốn vô ngại
9. Trạch diệt không hệ thuộc
10. Tùy đấy trạch diệt khác
11. Ngăn rốt ráo sẽ sinh
12. Riêng được phi trạch diệt.
13. Lại các pháp hữu vi
14. Chính là năm uẩn sắc
15. Là ngôn ngữ thời gian
16. Có sự việc xa lìa.
17. Hữu lậu gọi thủ uẩn
18. Cũng nói là hữu tránh
19. Và khổ, tập thế gian
20. Kiến xứ và ba hữu v.v...
21. Sắc uẩn là năm căn
22. Năm cảnh và vô biểu.
23. Thức kia nương sắc tịnh
24. Gọi năm căn như nhãn v.v...
25. Sắc hai hoặc hai mươi
26. Thanh chỉ có tám loại
27. Vị có sáu, hương bốn
28. Xúc có mười một loại
29. Loạn tâm hay vô tâm v.v...
30. Tùy theo tịnh, bất tịnh
31. Do đại chúng tạo ra
32. Thế nên gọi vô biểu.
33. Đại chủng là bốn giới
34. Tức đất, nước, gió, lửa
35. Thường tạo và giữ nghiệp v.v
36. Cứng, ướt, ấm, chuyển động.
37. Đất hiển sắc, hình sắc
38. Dựa vào tướng lập tên
39. Nước lửa cũng như vậy
40. Giới gió lại cũng thế.
41. Trong đây căn và cảnh
42. Được thừa nhận xứ, giới.

43. Tùy theo xúc, thọ nhận
44. Tưởng giữ hình làm thể
45. Còn lại là hành uẩn
46. Ba uẩn thọ như vậy
47. Và vô biểu, vô vi
48. Gọi pháp xứ, pháp giới.
49. Thức là các liễu biệt
50. Đây gọi là ý xứ
51. Và bảy giới nên biết
52. Sáu thức chuyển thành ý.
53. Do có thân sáu thức
54. Vô gián diệt là ý.
55. Do chỗ dựa của ý
56. Nên biết mười tám giới.
57. Thân giữ tất cả pháp
58. Do một uẩn, xứ, giới
59. Chỉ thân giữ tự tánh
60. Vì xa lìa tánh khác.
61. Vì thức, cảnh giống nhau
62. Nên hai giới một thể.
63. Vì để cho đoan nghiêm
64. Nên mắt v.v sinh hai chỗ.
65. Tập hợp môn, chủng tộc
66. Là nghĩa uẩn, xứ, giới.
67. Ngũ, căn, lạc ba thứ
68. Nên nói uẩn, xứ, giới.
69. Nhân sanh tử, tránh căn
70. Và nguyên nhân thứ tự
71. Nên nơi các tâm sở
72. Lập riêng Thọ, Tưởng uẩn.
73. Uẩn không gồm vô vi
74. Vì nghĩa không tương ứng.
75. Tùy thô, nhiệm chứa đựng v.v
76. Giới riêng, thứ tự lập.
77. Năm cảnh đầu hiện rõ
78. Chỉ bốn cảnh được tạo
79. Nương tác dụng, nhanh, gần
80. Hoặc tùy nơi thứ đệ.

81. Vì khác biệt, tối thắng
82. Nhiếp nhiều, pháp tăng thượng
83. Nên một xứ gọi sắc
84. Một xứ gọi pháp xứ.
85. Đức Phật thuyết pháp uẩn
86. Tám mươi ngàn loại pháp
87. Thể ấy danh hoặc ngữ
88. Đây sắc uẩn hoặc hành.
89. Có người cho pháp uẩn
90. Lượng như luận kia nói
91. Hoặc tùy giải thích uẩn v.v
92. Như thật hành đối trị.
93. Như vậy các uẩn khác
94. Tùy vào chúng tương ứng
95. Thâu giữ trong thuyết trước
96. Nên quán xét tự tướng.
97. Giới Không là lỗ hổng
98. Truyền thuyết sáng và tối
99. Giới Thức là hữu lậu
100. Nơi hữu tình nương tựa.
101. Sắc giới thuộc “hữu kiến”
102. Mười giới thuộc hữu đối
103. Đây trừ tám sắc, thanh v.v
104. Còn lại ba vô ký.
105. Mười tám thuộc Dục giới
106. Mười bốn thuộc Sắc giới
107. Trừ hương, vị hai thức
108. Ba thứ sau Vô sắc
109. Chung ý, pháp, ý thức
110. Giới khác thuộc hữu lậu.
111. Năm thức có tâm tứ
112. Ba sau ba khác không.
113. Năm thức không phân biệt
114. Do tính toán tùy niệm
115. Lấy ý địa tán tuệ
116. Các niệm ý làm thể.
117. Bảy tâm, phần pháp giới
118. Sở duyên, giới khác không

119. Tám giới, đầu và thanh
120. Không chấp, giới khác hai.
121. Xúc giới có hai loại
122. Chín giới khác tạo sắc
123. Một phần pháp cũng thế
124. Mười giới hay tích tập.
125. Chỉ bốn giới bên ngoài
126. Năng chặt và bị chặt
127. Bị đốt có thể đốt
128. Chưa rõ thiêu, bị thiêu.
129. Năm giới trong thực, trưởng
130. Thanh không dị thực sinh
131. Tám vô ngại (thuộc) đẳng lưu
132. Cũng tánh dị thực sinh
133. Pháp khác, chỉ pháp giới
134. Sát-na, ba giới cuối.
135. Giới nhãn và nhãn thức
136. Được một loại, hai loại.
137. Trong mười hai giới nhãn v.v
138. Ngoài là sáu giới sắc v.v.
139. Pháp đồng phần, hai khác
140. Tùy nghiệp tạo, không tạo.
141. Tu đoạn mười lăm giới
142. Ba giới cuối thông ba
143. Không nhiễm, chẳng ý sinh
144. Sắc không thuộc kiến đoạn.
145. Nhãn, một phần pháp giới
146. Gồm tám loại gọi “kiến”
147. Năm thức cùng sinh tuệ
148. Chẳng phải kiến quyết định
149. Nhãn thấy sắc đồng phần
150. Chẳng phải kia nương thức
151. Tương truyền không năng quán
152. Kia chương ngại các sắc.
153. Hai mắt cùng một lúc
154. Thấy được sắc rõ hơn.
155. Mắt, tai, ý, căn, cảnh
156. Không đến ba tương vi.

157. Nên biết các căn tị v.v...
  158. Chỉ nắm bắt hợp cảnh.
  159. Thức sau nương quá khứ
  160. Năm thức nương cùng thời.
  161. Theo căn thức chuyển biến
  162. Nên nhãn v.v gọi chỗ dựa.
  163. Kia và có tánh riêng
  164. Nên tùy căn nói thức.
  165. Nhãn không ở dưới thân
  166. Sắc, thức không trên nhãn
  167. Với thức, sắc tương ứng
  168. Sắc, thức, thân cũng vậy
  169. Nhãn giới giống nhĩ giới
  170. Ba giới có tự địa
  171. Thân thức có hai địa
  172. Ý thì không nhất định
  173. Năm giới ngoài, thức thân.
  174. Pháp vô vi là thường.
  175. Một phần pháp là căn.
  176. Mười hai giới cũng vậy.
-